

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 6 năm 2018
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VN - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Kim Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thanh Nga
2. Ông Nguyễn Hồng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Phan Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh Khánh Hòa

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VN - tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pháp - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V N - tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 25/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2018, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐST - HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2018/QĐST - HNGĐ, ngày 07/6/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Trịnh H - sinh năm: 1994; trú tại: thôn T N 2, xã Đ L, huyện VN, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt.

- Bị đơn: Chị Tạ Thị C - sinh năm: 1992; trú tại: thôn TN2, xã Đ L, huyện V N, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện gửi đến tòa án ngày 27/11/2017, Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 22/01/2018 các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phạm Trịnh H trình bày:

Anh Phạm Trịnh H và chị Tạ Thị C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012 đến ngày 13/6/2013 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐL, huyện VN, tỉnh Khánh Hòa, Giấy chứng nhận kết hôn số 58/2013, quyền số 02/2012. Do quá trình tìm hiểu nhau không nhiều nên khi về chung sống với nhau vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên kình cãi, anh H nghi ngờ chị C có quan hệ ngoại tình với người khác nên thường xuyên vắng nhà mà anh H không rõ chị C đi đâu, làm gì không quan tâm, chăm sóc đến chồng con, anh H nhiều lần đi tìm chị C về khuyên bảo để vợ chồng chung sống lại với nhau nhưng chị C vẫn cứng nòng tặc ầy đến cuối năm 2016 thì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chị C bỏ về nhà cha mẹ ở thôn TN1, xã Đ L, huyện VN, tỉnh Khánh Hòa sinh sống từ đó không ai quan tâm chăm sóc đến ai và chấm dứt quan hệ vợ chồng cho đến nay.

Anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, anh Hưng yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Tạ Thị C.

Về con chung: Anh Hưng, chị Cúc có ba con chung Phạm Thị Kim B -sinh ngày 04 tháng 11 năm 2012; Phạm Thị Kim L - sinh ngày 14 tháng 6 năm 2015, Phạm Thị Kim C - sinh ngày 14 tháng 6 năm 2015. Anh H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc cả ba con chung cho đến khi các con chung trưởng thành. Anh H không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh H xác định vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Anh H xác định không có nợ chung của ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn chị Tạ Thị C để lấy lời khai và hòa giải nhưng chị C không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tổ tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Tạ Thị C là bị đơn đã được Tòa án nhân dân huyện V N triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tổ tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Tạ Thị C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Trịnh H và chị Tạ Thị C kết hôn tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ L, huyện VN, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 58/2013, quyền số 02/2012, nên quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị C là hợp pháp. Nguyên nhân vợ

chồng mâu thuẫn, anh H xác định: Do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên kình cãi, **Chị C thường xuyên vắng nhà mà anh H không rõ, đi đâu làm gì, từ đó thiếu quan tâm chăm sóc đến anh H và các con, anh H và chị C nhiều lần tự hòa giải với nhau nhưng không thể tiếp tục chung sống với nhau. Vợ chồng thật sự chấm dứt quan hệ vợ chồng từ cuối năm 2016 cho đến nay.** Tại phiên tòa anh H xác định không còn yêu thương chị C, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Tạ Thị C.

Quá trình giải quyết vụ án, chị C đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết vụ ly hôn giữa hai người nhưng chị C đều không có mặt để làm việc theo giấy triệu tập của Toà án. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng chị C, anh H đã mâu thuẫn gay gắt và chị C không còn quan tâm gì đến cuộc hôn nhân này nữa. Nên có cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa anh H, chị C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc anh H yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh H được ly hôn với chị Tạ Thị C là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của anh Phạm Trịnh H.

[3] Về con chung: Anh H, chị C có ba con chung là **Phạm Thị Kim B – sinh ngày 04 tháng 11 năm 2012; Phạm Thị Kim L – sinh ngày 14 tháng 6 năm 2015, Phạm Thị Kim C – sinh ngày 14 tháng 6 năm 2015** hiện tại các con chung do anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay các con chung còn nhỏ, cần có sự ổn định mới bảo đảm được cuộc sống, nên yêu cầu của anh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả ba con chung đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là không trái với đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của anh H. Anh H không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Anh Phạm Trịnh H xác định không có.

[5] Bị đơn chị Tạ Thị C mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không đến Tòa án để trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, không có cơ sở để giải quyết yêu cầu của chị C.

[6] Về án phí: Anh Phạm Trịnh H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

- 1 - Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Trịnh H và chị Tạ Thị C được ly hôn.
- 2 - Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Giao ba con chung **Phạm Thị Kim B** – sinh ngày 04 tháng 11 năm 2012; **Phạm Thị Kim L** – sinh ngày 14 tháng 6 năm 2015, **Phạm Thị Kim C** – sinh ngày 14 tháng 6 năm 2015 cho anh **Phạm Trịnh H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị C được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết anh H, chị C có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như về cấp dưỡng nuôi con chung.

3 - Về tài sản chung: Anh Hưng xác định không có.

4 - Về án phí: Anh **Phạm Trịnh H** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0013968 ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V N; anh H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5 - Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện VN ;
- Chi cục THA huyện VN;
- (Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Ủy ban nhân dân xã ĐL;
- Các đương sự;
- Lưu vụ án;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Kim Trọng